

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG-VINACOMIN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2737 /CBTT-TMD

Cẩm Phả, ngày 30 tháng 07 năm 2025

V/v Công bố thông tin báo cáo quản trị
Công ty niêm yết 6 tháng đầu năm 2025

Kính Gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần than Mông Dương-Vinacomin
2. Mã chứng khoán: MDC
3. Trụ sở chính: Phường Mông Dương; Thành phố Cẩm Phả; Tỉnh Quảng Ninh
4. Số điện thoại: 0203.3868.271; 0203.3868272; Fax: 0203.3868.276
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Sơn
6. Nội dung công bố thông tin:

-Báo cáo tình hình quản trị công ty niêm yết 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty cổ phần than Mông Dương-Vinacomin.

7. Địa chỉ Website đăng tải: Báo cáo tình hình quản trị công ty niêm yết bán niên năm 2025 của Công ty cổ phần than Mông Dương-Vinacomin: Mongduongcoal.vn/Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố./.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Nơi nhận:

- Như kính gửi (e copy)
- lưu:VT (01), HĐQT (01)



Nguyễn Thanh Sơn

Số: 2736 /BC-TMD

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
(Báo cáo 6 tháng đầu năm 2025)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty niêm yết: **Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin.**
- Địa chỉ trụ sở chính: **Tổ 7, khu 3, Phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh.**
- Điện thoại: **0203 3868 271 (272).**
- Fax: **0203 3868 276.**
- Email: **thanmongduongvnc@gmail.com.**
- Vốn điều lệ: **214.183.460.000 đồng.**
- Mã chứng khoán: **MDC.**

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

* Ngày 29 tháng 4 năm 2025 Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025:

| TT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày tháng | Nội dung |
|----|------------------------------|------------|--|
| 1 | 19/NQ-ĐHĐCĐ | 29/4/2025 | <p>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none">Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2024, Kế hoạch SXKD năm 2025 và các chỉ tiêu chủ yếu định hướng kế hoạch SXKD 05 năm 2026-2030 của Công ty cổ phần Than Mông Dương -Vinacomin.Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và Phương hướng, nhiệm vụ năm 2025.Thông qua Báo cáo của Thành viên HĐQT độc lập năm 2024 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2025.Thông qua Báo cáo Hợp đồng giao dịch năm 2025 với người có liên quan thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ thông qua.Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024. |

| TT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày tháng | Nội dung |
|----|------------------------------|------------|--|
| | | | 7. Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao, phụ cấp của thành viên HĐQT, BKS và Người quản lý Công ty năm 2024; đề xuất mức phụ cấp, tiền lương, thù lao năm 2025. 8. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024, Phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 và Báo cáo thẩm định BCTC năm 2024. 9. Thông qua việc lựa chọn danh sách các Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025. |

II. Hội đồng quản trị năm 2025:

1. Thông tin về các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028:

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ IV (2023-2028) có 05 thành viên sau khi kiện toàn thành viên độc lập vào ngày 21/10/2023.

| TT | Thành viên Hội đồng quản trị | Chức vụ tại công ty | Ngày bắt đầu là/Không còn là TV HĐQT | |
|----|------------------------------|---------------------|--------------------------------------|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Nguyễn Trọng Tốt | Chủ tịch HĐQT | 30/6/2023 | |
| 2 | Hoàng Trọng Hiệp | TV HĐQT- GĐ | 30/6/2023 | |
| 3 | Ngô Xuân Thủy | TV HĐQT-PGĐ | 30/6/2023 | |
| 4 | Vadym D'omin | TVHĐQT | 30/6/2023 | |
| 5 | Phạm Văn Tác | TVĐL HĐQT | 21/10/2023 | |

2. Các cuộc họp HĐQT:

| TT | Thành viên Hội đồng quản trị | Chức vụ tại công ty | Số buổi họp HĐQT | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|----|------------------------------|---------------------|------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Nguyễn Trọng Tốt | Chủ tịch HĐQT | 12/12 | 100 % | |
| 2 | Hoàng Trọng Hiệp | TV HĐQT- GĐ | 12/12 | 100 % | |
| 3 | Ngô Xuân Thủy | TV HĐQT-PGĐ | 12/12 | 100% | |
| 4 | Vadym D'omin | TVHĐQT | 12/12 | 100% | |
| 5 | Phạm Văn Tác | TVĐL HĐQT | 12/12 | 100 % | |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Trong 6 tháng đầu năm 2025, HĐQT Công ty đã hoạt động tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật. HĐQT chỉ đạo Ban Giám đốc rà soát lại các quy chế đã ban hành và xây dựng một số quy chế mới để trình HĐQT xem xét phê duyệt và ban hành áp dụng cho phù hợp với các quy định của pháp luật và của TKV. 6 tháng đầu năm 2025, Giám đốc Công ty đã trình HĐQT phê duyệt các nội dung tăng cường quản lý Công ty trên các mặt tài chính,..Trong SXKD của Công ty; Đảng ủy,

Công đoàn và Giám đốc điều hành đã ký các Nghị quyết Liên tịch để thống nhất lãnh đạo điều hành trong các mặt hoạt động phong trào của CBCNVC và người lao động của Công ty. Qua hoạt động giám sát, HĐQT đánh giá:

- Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng Nghị quyết, quyết định của HĐQT; các Quy chế, Quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Giám đốc đã trình HĐQT thực hiện sắp xếp lại mô hình tổ chức, ban hành lại các quy chế phù hợp với quy định của Nhà nước.

- Về công tác quản trị chi phí: Công ty đã tổ chức kiểm soát chặt chẽ công tác khoán, quản trị chi phí đến các Phân xưởng nhằm tăng cường công tác quản lý và kiểm soát chi phí ngày một chặt chẽ, tăng hiệu quả huy động sử dụng máy móc thiết bị.

- Công tác Đầu tư XDCB có trọng tâm, trọng điểm nhằm tiết kiệm đầu tư và phát huy hiệu quả đầu tư. Công tác Đầu tư xây dựng của Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Quy chế quản lý ĐTXD của Công ty.

- Công tác bảo vệ an ninh trật tự: Công ty đã xây dựng các phương án, kế hoạch và triển khai thực hiện công tác an ninh tự quản, tổ chức lắp đặt camera tại nhiều vị trí để kiểm soát các kho than và ra, vào khai thường của Công ty. Ngoài ra Công ty còn tăng cường bảo vệ ranh giới mỏ, chống khai thác, chế biến, vận chuyển than trái phép; tăng cường tuần tra canh gác và phối hợp với lực lượng Công an đóng trên địa bàn tham gia bảo vệ tài sản của Công ty.

*** Đánh giá chung:**

- Trong 6 tháng đầu năm 2025, Ban Giám đốc đã điều hành SXKD và các mặt hoạt động khác của Công ty đảm bảo đúng pháp luật, chỉ đạo của Tập đoàn, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty. Kết quả 6 tháng đầu năm 2025, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu theo Hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn TKV, đồng thời Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp ngân sách nhà nước.

- Quá trình điều hành sản xuất linh hoạt, báo cáo thường xuyên với HĐQT về những vướng mắc phát sinh và trình HĐQT giải quyết kịp thời những nội dung công việc thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT. Do đó, mọi hoạt động SXKD của Công ty diễn ra bình thường, không bị ách tắc, Công ty hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch SXKD 6 tháng đầu năm 2025:

- + Than sản xuất: Thực hiện 924.000 tấn (56% kế hoạch năm, 118% so với cùng kỳ 2024).

- + Đào lò: Thực hiện 10.160 m (53,5% kế hoạch năm, 107% so với cùng kỳ 2024). Trong đó: nội bộ thực hiện 9.250 m (55,7% kế hoạch, 109,2% so với cùng kỳ), thuê ngoài thực hiện 910 m (38,1% kế hoạch, 88,6% so với cùng kỳ). Mét lò neo thực hiện 765 m (76,5% kế hoạch, 105,4% so với cùng kỳ 2024).

- + Than tiêu thụ: Tổng số 898.500 tấn (54,5% kế hoạch năm, 114,6% so với cùng kỳ 2024).

Doanh thu: Sản lượng than tiêu thụ đạt 760.400 tấn (54,1% kế hoạch), tương ứng doanh thu 1.447,4 tỷ đồng (54,5% kế hoạch, tăng 114,4% so với cùng kỳ). Doanh thu tăng 10,1 tỷ đồng do chất lượng than tiêu thụ cuối nguồn.

- Kết quả SXKD của Công ty sau khi đã trích lập các khoản dự phòng và mua bảo hiểm tài sản theo quy định, lợi nhuận trước thuế là 18,5 tỷ đồng do đó Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có

5. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2025):

Trong 6 tháng đầu năm 2025 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức họp 12 phiên, ban hành 12 Nghị quyết Chi tiết tại **Phụ lục số 01 (kèm theo)**.

III. Hoạt động của Ban Kiểm soát: (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2025)

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát:

| TT | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|----|------------------|------------|--------------------------------------|---------------------|
| 1 | Nguyễn Thị Tâm | Trưởng BKS | 24/4/2018 | Cử nhân kế toán |
| 2 | Nguyễn Thế Hanh | Thành viên | 25/4/2013 | Kỹ sư kinh tế Mỏ |
| 3 | Nguyễn Tiến Hùng | Thành viên | 30/6/2023 | Kỹ sư khai thác |

2. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

| TT | Thành viên BKS | Số buổi họp Ban KS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|----|------------------|----------------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1 | Nguyễn Thị Tâm | 2/2 | 100% | 100% | |
| 2 | Nguyễn Thế Hanh | 2/2 | 100% | 100% | |
| 3 | Nguyễn Tiến Hùng | 2/2 | 100% | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

3.1. Hoạt động của BKS: Trong 6 tháng đầu năm 2025 Ban kiểm soát công ty đã tiến hành họp 02 lần: Cuộc họp để thống nhất các nội dung báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng Cổ đông năm 2025. Các cuộc họp tiếp theo được thực hiện tại kỳ kiểm soát các hoạt động quản lý của Công ty, thống nhất các nội dung biên bản kiểm soát và soát xét các hoạt động của Công ty các quý năm 2025; Các thành viên ban kiểm soát tham dự họp đầy đủ các cuộc họp. Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sau các đợt kiểm soát, Ban kiểm soát đều có biên bản làm việc và đưa ra những tồn tại cần khắc phục trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty,

góp phần đảm bảo sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả và tuân thủ các chế độ của nhà nước, quy định của pháp luật, của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Trong 6 tháng đầu năm Ban kiểm soát có 02 cuộc kiểm tra:

- Cuộc kiểm tra ngày 25/02/2025 : Thăm tra báo cáo tài chính năm 2025, Giám sát một số nội dung về công tác quản trị: quản lý mua sắm vật tư, quản lý đầu tư xây dựng, quản lý thuê ngoài, sửa chữa tài sản cố định, quản lý lao động tiền lương, khoán quản trị chi phí.

- Cuộc kiểm tra ngày 06/6/2025: thực hiện giám sát chuyên đề về Công tác quản lý vật tư, tài sản cố định, sửa chữa tài sản cố định, đầu tư xây dựng;

3.2. Hoạt động giám sát đối với hoạt động của HĐQT: Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết đưa ra nhiều giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của Công ty để tiết kiệm chi phí, sản xuất kinh doanh có lãi, đảm bảo hoàn thành kế hoạch, mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty và các cổ đông. HĐQT Công ty đã thực hiện quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần than Mông Dương – Vinacomin và các quy định của Pháp luật. HĐQT đã duy trì nề nếp các cuộc họp thường kỳ, đảm bảo chương trình số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo luật định. Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý điều hành.

6 tháng đầu năm 2025 Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 12 phiên, ban hành 12 nghị quyết với các nội dung chủ yếu về Chương trình và kế hoạch hoạt động của hội đồng quản trị, công tác quy hoạch bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý công ty. Chương trình và kế hoạch hoạt động của HĐQT, HĐQT đã chú trọng nâng cao các mặt hoạt động, tăng cường công tác quản lý Công ty nhằm phục vụ tốt cho SXKD của Công ty.

3.3. Hoạt động giám sát đối với Ban giám đốc điều hành: Ban giám đốc điều hành đã tổ chức, chỉ đạo thực hiện tốt hoạt động SXKD theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ theo pháp luật Nhà nước, các quy định tại Điều lệ hoạt động của công ty. Ban Giám đốc thực hiện quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD, thực hiện các biện pháp quản lý tài chính, tái cơ cấu lao động, áp dụng kỹ thuật công nghệ, và tổ chức sản xuất phù hợp với phương án kỹ thuật, khai thác có hiệu quả, chỉ đạo thực hiện các biện pháp quản lý, nâng cao năng suất thiết bị góp phần cùng Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng đầu năm 2025.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Việc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả. Các vấn đề tồn tại được phát hiện trong quá trình kiểm soát, Ban Kiểm soát đã trao đổi rút kinh nghiệm kịp thời với HĐQT và Ban Giám đốc. Các phòng ban trong Công ty đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, góp phần để hoạt động của Công ty càng hoàn thiện và đạt hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

6 tháng đầu năm 2024 Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Công ty về sự vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

điều hành. Có được kết quả trên ngoài sự nỗ lực của các thành viên Ban kiểm soát còn có sự nhiệt tình phối hợp rất hiệu quả của các thành viên HĐQT, Ban giám đốc điều hành, các phòng chức năng quản lý của Công ty và của các cổ đông.

5. Hoạt động khác của Ban Kiểm soát: (không)

IV. Ban điều hành

| TT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|----|--------------------------|---------------------|-------------------------------|----------------------------|-----------------|
| 1 | Ông: Hoàng Trọng Hiệp | 14/02/1980 | Thạc sỹ khai thác mỏ | Tháng 05/2014 và 03/4/2022 | |
| 2 | Ông: Nguyễn Hữu Hùng | 17/4/1973 | Kỹ sư khai thác Kỹ sư cơ điện | Tháng 05/2018 | |
| 3 | Ông: Trần Mạnh Hà | 10/02/1979 | Thạc sỹ khai thác mỏ | 09/7/2021 | |
| 4 | Ông: Lại Quang Trung | 15/9/1978 | Thạc sỹ khai thác mỏ | 25/7/2022 | |
| 5 | Ông: Ngô Xuân Thủy | 25/8/1979 | Thạc sỹ khai thác mỏ | 02/01/2023 | |

V. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|----|------------------|---------------------|----------------------------------|---------------|-----------------|
| 1 | Nguyễn Tuyết Mai | 02/03/1988 | Cử nhân kinh tế; Thạc sỹ kinh tế | 03/8/2024 | |

VI. Đào tạo về quản trị công ty

1. Thành viên HĐQT, Giám đốc, các phó giám đốc:

Các thành viên HĐQT, Ban giám đốc tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ của Tập đoàn và các Công ty con tại Trường quản trị kinh doanh của Tập đoàn TKV nhằm bổ sung và nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành, tổ chức hoạt động SXKD của Công ty.

2. Thư ký Công ty:

Thư ký Công ty kiêm là Người phụ trách quản trị Công ty thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành để tư vấn pháp luật và quản trị cho hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty. Tham gia lớp Tập huấn kỹ năng; tham dự hội thảo quản trị công ty và Hội nghị doanh nghiệp thường niên năm 2025 do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức;

VII. Danh sách về người có liên quan của Công ty niêm yết 6 tháng đầu năm 2025 và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người nội bộ và người có liên quan của Công ty: (Chi tiết như tại Phụ lục số 02)

Trong 6 tháng đầu năm 2024 danh sách về người có liên quan của Công ty không có thay đổi.

2. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty, hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

(Chi tiết tại **Phụ lục số 03** kèm theo)

3. Giao dịch giữa người nội bộ Công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát:

(Không có)

4. Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác:

4.1. *Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây:*

(Chi tiết tại **Phụ lục số 03** kèm theo)

4.2. *Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà người có liên quan của Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành:*

(Không có)

4.3. *Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành:* (Không có)


VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ:

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

(Chi tiết có danh sách tại **Phụ lục số 04** kèm theo).

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty niêm yết: Không có.

IX. Các vấn đề vẫn lưu ý khác:

- Không có các vấn đề cần lưu ý. / 

Nơi gửi:

- UBCKNN; Sở GDCK Hà Nội (CBTT);
- Phòng CV (Đăng trên Wetsite)
- HĐQT, BKS, Ban Giám đốc (e-coppy);
- Lưu: VT, Thư ký C.ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Tốt

Phụ lục 01: CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025.

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 2736 /BC-TMD, ngày 30/7/ 2025 của HĐQT)

| TT | Số NQ | Ngày ban hành | Nội dung |
|-----------|------------------|----------------------|--|
| 1 | Số: 02 / NQ-HĐQT | 21/1/2025 | <p>1. Xem xét thông qua Chủ trương Dự án đầu tư nâng cấp hệ thống thiết bị điều khiển và an toàn trục tải giếng đứng phụ +5/-97,5 và Chủ trương Dự án đầu tư bổ sung máy phát điện Diesel dự phòng mỏ than Mông Dương - Công ty Cổ phần Than Mông Dương.</p> <p>2. Thông qua Quyết toán Thù lao, tiền thưởng người đại diện TKV tại công ty năm 2023.</p> <p>3. Thông qua kết quả thực hiện quy trình bổ nhiệm lại cán bộ đối với QĐ PX Cơ khí và QĐ PX Đào lò 6.</p> <p>4. Về việc ban hành Quy chế quản trị chi phí kinh doanh trong nội bộ - Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin</p> <p>5. Xem xét báo cáo định kỳ công tác quản lý, sử dụng đất đai năm 2024 và kế hoạch triển khai công tác quản lý, sử dụng đất đai năm 2025 của Công ty Cổ phần than Mông Dương- Vinacomin</p> <p>6. HĐQT xem xét thông qua tài liệu lập báo cáo quản trị; các báo cáo KTGS, Người ĐDPV, KH công tác người đại diện... để gửi TKV, cơ quan thẩm quyền</p> <p>7. Thông qua kế hoạch định mức tín dụng ngắn hạn bình quân và một số hệ số tài chính năm 2025.</p> <p>8. Hội đồng Quản trị thông qua một số công tác quản lý của Công ty.</p> |
| 2 | Số 04/NQ-HĐQT | 21/1/2025 | <p>1. Thông qua các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp, cổ đông lớn và người có liên quan.</p> <p>2. Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.</p> |
| 3 | Số 06/NQ-HĐQT | 27/2/2025 | <p>1. Thông qua Báo cáo trình TKV nội dung BCNCKT dự án và điều chỉnh chuyển bước kế hoạch từ dự phòng lên chính thức đối với dự án Đầu tư thiết bị nâng cao năng lực vận tải - Công ty Cổ phần Than Mông Dương.</p> <p>2. Thông qua Báo cáo trình TKV nội dung BCNCKT dự án và điều chỉnh chuyển bước kế hoạch từ dự phòng lên chính thức đối với dự án Đầu tư phục vụ sản xuất năm 2025-Công ty CP than Mông Dương.</p> <p>3. Thông qua, phê duyệt Quy chế quản trị chi phí trong nội bộ Công ty Cổ phần than Mông Dương – Vinacomin.</p> <p>4. HĐQT xem xét Báo cáo kết quả thực hiện khoán chi phí năm 2024 và dự thảo Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024</p> <p>5. HĐQT xem xét Báo cáo về các nội dung cần xin ý kiến TKV về biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 theo Công văn số 408/TKV-KS ngày 22/01/2025 của TKV.</p> <p>6. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD tháng 2.2025, kế hoạch tháng 3.2025- Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin</p> <p>7. Thông qua Quy chế ATVSLĐ năm 2025-Công ty cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin.</p> <p>8. Các nội dung về công tác quản lý thuộc thẩm quyền HĐQT;</p> |

| TT | Số NQ | Ngày ban hành | Nội dung |
|----|---------------|---------------|--|
| 4 | Số 08/NQ-HĐQT | 11/3/2025 | <p>1. Xem xét thông qua V/v hoàn thiện các thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản mỏ Than Mông Dương - Công ty Cổ phần Than Mông Dương.</p> <p>2. Thông qua, phê duyệt các chỉ tiêu chủ yếu định hướng Kế hoạch 05 năm 2026-2030-Công ty Cổ phần Than Mông Dương-Vinacomin</p> <p>3. Thông qua, phê duyệt Quy chế quản lý An toàn vệ sinh lao động – Công ty Cổ phần Than Mông Dương Vinacomin.</p> |
| 5 | Số 10/NQ-HĐQT | 28/03/2025 | 1.Về việc phê duyệt Quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 - Công ty cổ phần than Mông Dương – Vinacomin; |
| 6 | Số 14/NQ-HĐQT | 08/4/2025 | 1. Xem xét Thông qua nội dung tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025: |
| 7 | Số 15/NQ-HĐQT | 08/4/2025 | <p>1. Xem xét thông qua báo cáo thực hiện sản xuất kinh doanh tháng 3 năm 2025, Kế hoạch tháng 4 năm 2025:</p> <p>2. Xem xét thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 06 - Xây dựng, cung cấp, lắp đặt trạm biến áp 35/6kV mỏ Than Mông Dương:</p> <p>3. Xem xét thông qua nội dung Dự án và phê duyệt điều chỉnh chuyển bước kế hoạch đầu tư năm 2025 đối với dự án Đầu tư phục vụ sản xuất năm 2025- Công ty Cổ phần than Mông Dương:</p> <p>4. Xem xét thông qua nội dung Dự án và phê duyệt điều chỉnh chuyển bước kế hoạch đầu tư năm 2025 đối với dự án Đầu tư thiết bị nâng cao năng lực vận tải Công ty Cổ phần Than Mông Dương:</p> <p>5. Xem xét thông qua Báo cáo trình TKV nội dung BCNCKT dự án và điều chỉnh chuyển bước kế hoạch từ dự phòng lên chính thức đối với dự án đầu tư thiết bị hầm bơm và trạm điện mức - 400 - Công ty Cổ phần than Mông Dương:</p> <p>6. Công tác quản lý của Công ty giao Giám đốc Công ty chỉ đạo triển khai thực hiện:</p> |
| 8 | Số 17/NQ-HĐQT | 25/4/2025 | <p>1. Xem xét thông qua nội dung rà soát các điều kiện tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 và phát hành tài liệu Đại hội:</p> <p>2. Xem xét thông qua báo cáo thực hiện sản xuất kinh doanh tháng 4 năm 2025, Kế hoạch tháng 5 năm 2025;</p> <p>3. Về việc xin thông qua nội dung Hồ sơ “Cập nhật kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng vào Dự án Khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương - Công ty than Mông Dương (điều chỉnh)”</p> <p>4. Xem xét xin phê duyệt điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 2838/QĐ-TMD ngày 22/12/2016 của Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư Khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương - Công ty than Mông Dương (điều chỉnh).</p> <p>5. Xem xét thông qua V/v tăng vốn điều lệ từ vốn chủ sở hữu.</p> |
| 9 | Số 21/NQ-HĐQT | 22/5/2025 | <p>1. Xem xét thông qua chủ trương, phương án bổ nhiệm lại cán bộ</p> <p>2. Xem xét phê duyệt kế hoạch sử dụng nguồn Quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty năm 2025.</p> <p>3. Xem xét Báo cáo hồ sơ “Cập nhật kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng vào Dự án Khai thác giai đoạn II mỏ than Mông</p> |

| TT | Số NQ | Ngày ban hành | Nội dung |
|----|---------------|---------------|--|
| | | | <p>Dương - Công ty than Mông Dương (điều chỉnh)” sau khi bổ sung, hoàn thiện.</p> <p>4. Xem xét xin phê duyệt điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 2838/QĐ-TMD ngày 22/12/2016 của Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư Khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương - Công ty than Mông Dương (điều chỉnh).</p> <p>5. Thông qua một số nội dung về công tác quản lý của Công ty thuộc thẩm quyền HĐQT: Báo cáo về hồ sơ cấp phép khai thác; Công tác quản lý đất đai; Triển khai văn bản chỉ đạo của TKV thông qua người đại diện phần vốn.</p> |
| 10 | Số 23/NQ-HĐQT | 30/5/2025 | 1. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin xét Tờ trình số 1836/ TTr-TMD ngày 24/5/2025 về việc xem xét thông qua kết quả thực hiện quy trình bổ nhiệm lại cán bộ - Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin |
| 11 | Số 25/NQ-HĐQT | 11/6/2025 | <p>1. Thông qua nội dung Báo cáo kinh tế kỹ thuật và phê duyệt điều chỉnh chuyển bước kế hoạch đầu tư năm 2025 đối với Báo cáo kinh tế kỹ thuật Đầu tư hệ thống PCCC thuộc mặt bằng sân công nghiệp Công ty Cổ phần Than Mông Dương (giai đoạn 1).</p> <p>2. Thông qua nội dung BCNCKT dự án và điều chỉnh chuyển bước kế hoạch từ dự phòng lên chính thức đối với dự án đầu tư xây dựng nhà tắm giặt sấy và công trình phụ trợ Công ty Cổ phần Than Mông Dương.</p> <p>3. Thông qua nội dung BCNCKT dự án và điều chỉnh chuyển bước kế hoạch từ dự phòng lên chính thức đối với dự án đầu tư bổ sung máy phát điện Diesel dự phòng mỏ than Mông Dương - Công ty Cổ phần than Mông Dương.</p> <p>4. Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 02: Cung cấp thiết bị khai thác và thiết bị vận tải trong lò, thuộc dự án Đầu tư phục vụ sản xuất năm 2025 - Công ty Cổ phần Than Mông Dương</p> <p>5. Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 03: Cung cấp thiết bị thông gió, thoát nước và thiết bị an toàn thuộc dự án Đầu tư phục vụ sản xuất năm 2025 - Công ty Cổ phần Than Mông Dương</p> <p>6. Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 04: Cung cấp thiết bị điện, thiết bị máy nén khí và thiết bị công cụ thuộc dự án Đầu tư phục vụ sản xuất năm 2025 - Công ty Cổ phần Than Mông Dương</p> <p>7. Xem xét thông qua báo cáo thực hiện SXKD tháng 5/2025, Kế hoạch tháng 6/2025 và một số công việc quản lý của Công ty</p> |
| 12 | Số 27/NQ-HĐQT | 19/6/2025 | 1. HĐQT xem xét thông qua phương án rà soát, sắp xếp tổ chức định biên lao động tại công ty cổ phần than Mông Dương – Vinacomin. |

Phụ lục số 02
DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 2736 /BC-TMD, ngày 30 /7/2025 của HĐQT)

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----|-------|--------------------|--|------------------------------|---|---|----------|---------|---|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| 1 | MDC | Bùi Thị Hoa | | | Vợ của Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT | | | | Tổ 57, Khu 4, P.Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 2 | MDC | Nguyễn Mai Quỳnh | | | Con đẻ của Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT | | | | Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 3 | MDC | Nguyễn Đình Tín | | | Con rể của Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT | | | | Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 4 | MDC | Nguyễn Quỳnh Trang | | | Con đẻ của Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT | | | | Phường Cầu giấy- TP Hà Nội | | | |
| 5 | MDC | Nguyễn Thị Chiện | | | Chị ruột của Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT | | | | Xã Tây Thái Ninh, Tỉnh Thái Bình | | | |
| 6 | MDC | Nguyễn Công Thuận | | | Anh rể của Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT | | | | Xã Tây Thái Ninh, Tỉnh Thái Bình | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----|-------|------------------|--|------------------------------|---|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 7 | MDC | Nguyễn Thị Huyền | | | Chị ruột của Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT | | | | Xã Tây Thái Ninh, Tỉnh Thái Bình | | | |
| 8 | MDC | Đinh Văn Miên | | | Anh rể của Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT | | | | Xã Tây Thái Ninh, Tỉnh Thái Bình | | | |
| 9 | MDC | Đinh Thị Nguyên | | | Mẹ vợ của Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT | | | | Xã Tây Thái Ninh, Tỉnh Thái Bình | | | |
| 10 | MDC | Hoàng Trọng Hải | | | NCLQ đến Ông Hoàng Trọng Hiệp - Bố đẻ | | | | Khu Nam Tiến, Phường Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 11 | MDC | Nguyễn Thị Huyền | | | NCLQ đến Ông Hoàng Trọng Hiệp - Mẹ đẻ | | | | Khu Nam Tiến, Phường Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 12 | MDC | Nguyễn Thị Huyền | | | NCLQ đến Ông Hoàng Trọng Hiệp - Vợ | | | | Số nhà 20 khu Diêm Thủy, Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 13 | MDC | Hoàng Trọng Khoa | | | NCLQ đến Ông Hoàng Trọng Hiệp - Con ruột | | | | Số nhà 20 khu Diêm Thủy, Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 14 | MDC | Hoàng Kiều Ly | | | NCLQ đến Ông Hoàng Trọng Hiệp - con ruột | | | | Số nhà 20 khu Diêm Thủy, | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----|-------|-------------------|--|------------------------------|---|---|----------|---------|---|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| | | | | | | | | | Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 15 | MDC | Hoàng Trọng Hưng | | | NCLQ đến Ông Hoàng Trọng Hiệp - em ruột | | | | Khu Nam Tiến, Phường Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 16 | MDC | Phạm Thị Duyên | | | NCLQ đến Ông Hoàng Trọng Hiệp - em dâu | | | | Khu Nam Tiến, Phường Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 17 | MDC | Vũ Thị Thắm | | | NCLQ đến Ông Hoàng Trọng Hiệp - Mẹ Vợ | | | | Tổ 30 Phường Đại Kim –Quận Hoàng Mai- TP Hà Nội | | | |
| 18 | MDC | Nguyễn Ngọc Thanh | | | NCLQ đến Ông Hoàng Trọng Hiệp - Anh vợ | | | | Tổ 30 Phường Đại Kim –Quận Hoàng Mai- TP Hà Nội | | | |
| 19 | MDC | Đinh Thị Hồng | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – Vợ | | | | Tổ 1, khu 6A, Cẩm phả, QN | | | |
| 20 | MDC | Ngô Khánh Huyền | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – Con ruột | | | | Tổ 1, khu 6A, Cẩm phả, QN | | | |
| 21 | MDC | Ngô Khánh Chi | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – Con ruột | | | | Tổ 1, khu 6A, Cẩm phả, QN | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----|-------|--------------------|--|------------------------------|--------------------------------------|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 22 | MDC | Ngô Xuân Hường | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – Bố đẻ | | | | Xóm 6, Hoa Lư Tây, Ninh Bình | | | |
| 23 | MDC | Phạm Thị Hạnh | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – Mẹ đẻ | | | | Xóm 6, Hoa Lư Tây, Ninh Bình | | | |
| 24 | MDC | Cù Thị Hiệu | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – Mẹ vợ | | | | Tổ 1, khu 6A, Cẩm Phả, QN | | | |
| 25 | MDC | Ngô Thị Kim Chung | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – em ruột | | | | Tổ 5, Khu Long thạch, Quang Hanh, Quảng ninh | | | |
| 26 | MDC | Bùi Văn Hường | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – em rể | | | | Tổ 5, Khu Long thạch, Quang Hanh, Quảng ninh | | | |
| 27 | MDC | Ngô Xuân Tình | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – em ruột | | | | Tổ 3, khu Minh Hòa, Cẩm Phả, Quảng ninh | | | |
| 28 | MDC | Nguyễn Thị Diệu Ly | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – em dâu | | | | Tổ 3, khu Minh Hòa, Cẩm Phả, Quảng ninh | | | |
| 29 | MDC | Nguyễn Thị Tơ | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Mẹ đẻ | | | | Thôn Hưng Quan, xã Nam Tiên Hưng-Hưng Yên | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----|-------|--------------------|--|------------------------------|------------------------------------|---|----------|---------|---|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 30 | MDC | Lương Thị Yên | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Vợ | | | | Tổ 7 Khu 2A, P Phường Hà Lâm. Quảng Ninh | | | |
| 31 | MDC | Phạm Huyền Trang | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Con ruột | | | | Số 26, A 26, Phường Nghĩa Đô - Hà Nội | | | |
| 32 | MDC | Phạm Nhất Tâm Long | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Con ruột | | | | Tổ 7 Khu 2A, P Phường Hà Lâm. Quảng Ninh | | | |
| 33 | MDC | Nguyễn Mạnh Cường | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Con rể | | | | Số 26, A 26, Phường Nghĩa Đô - Hà Nội | | | |
| 34 | MDC | Phạm Thị Lan | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Em ruột | | | | Thôn Hưng quan, xã Nam Tiên Hưng-Hung Yên | | | |
| 35 | MDC | Phạm Văn Hữu | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Em ruột | | | | Thôn Hưng Quan, xã Nam Tiên Hưng-Hung Yên | | | |
| 36 | MDC | Phạm Thị Nhiều | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Em ruột | | | | Thôn Hải Hòa, Phường Móng Cái 1- Quảng Ninh | | | |
| 37 | MDC | Phạm Thị Mão | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Em ruột | | | | Thôn Hưng Quan, xã Nam Tiên Hưng-Hung Yên | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----|-------|-------------------|--|------------------------------|---------------------------------------|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 38 | MDC | Đào Thị Diệp | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Em dâu | | | | Thôn Hưng Quan, xã Nam Tiên Hưng-Hưng Yên | | | |
| 39 | MDC | Nguyễn Công Thạo | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Em rể | | | | Thôn Hưng Quan, xã Nam Tiên Hưng-Hưng Yên | | | |
| 40 | MDC | Đặng Văn Hùng | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Em rể | | | | Thôn Hưng Quan, xã Nam Tiên Hưng-Hưng Yên | | | |
| 41 | MDC | Trần Quốc Chiến | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Chồng | | | | Số nhà 11, tổ 12, khu 2b, Phường Hạ Long, TP Hạ Long | | | |
| 42 | MDC | Trần Quốc Cường | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Con ruột | | | | Số 4, ngõ 24, Nguyễn Công Hoan, Giảng Võ, Hà Nội | | | |
| 43 | MDC | Trần Hạnh Huyền | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Con ruột | | | | Số nhà 11, tổ 12, khu 2b, Phường Hạ Long, TP Hạ Long | | | |
| 44 | MDC | Nguyễn Quang Long | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Bố đẻ | | | | Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----|-------|---------------------|--|------------------------------|---------------------------------------|---|----------|---------|---|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 45 | MDC | Hoàng Thị Máng | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Mẹ đẻ | | | | Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 46 | MDC | Nguyễn Quang Khương | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Anh ruột | | | | Phường Đồ Sơn, Hải Phòng | | | |
| 47 | MDC | Nguyễn Quang Hùng | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Anh ruột | | | | Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 48 | MDC | Nguyễn Quang Mai | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Anh ruột | | | | Sở tư pháp Hải phòng | | | |
| 49 | MDC | Nguyễn Quang Vinh | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Anh ruột | | | | Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 50 | MDC | Nguyễn Thị Thanh | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Chị ruột | | | | Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 51 | MDC | Nguyễn Thu Trang | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Con dâu | | | | Số nhà 171a, Đặng Văn Ngữ, Phường Văn miếu-Quốc tử Giám, Hà Nội | | | |
| 52 | MDC | Nguyễn Văn Nhai | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh –Bố đẻ | | | | Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----|-------|-------------------|--|------------------------------|---|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 53 | MDC | Bùi Thị Bồng | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Mẹ đẻ | | | | Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng | | | |
| 54 | MDC | Phạm Thị Hiền | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Vợ | | | | Tổ 5, Khu Phan Đình Phùng, Phường Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 55 | MDC | Nguyễn Văn Anh | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Con ruột | | | | Tổ 5, Khu Phan Đình Phùng, Phường Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 56 | MDC | Nguyễn Thanh Tùng | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Con ruột | | | | Tổ 5, Khu Phan Đình Phùng, Phường Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 57 | MDC | Nguyễn Thị Thúy | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Chị ruột | | | | Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng | | | |
| 58 | MDC | Nguyễn Văn Hôn | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Anh ruột | | | | Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----|-------|-------------------|--|------------------------------|--|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 59 | MDC | Nguyễn Thị Thùy | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Em ruột | | | | Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng | | | |
| 60 | MDC | Nguyễn Thị Thư | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Chị dâu | | | | Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng | | | |
| 61 | MDC | Nguyễn Xuân Trịnh | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Anh rể | | | | Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng | | | |
| 62 | MDC | Đào Duy Khương | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – em rể | | | | Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng | | | |
| 63 | MDC | Nguyễn Thị Tuyết | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Mẹ vợ | | | | Xã Lê Lợi, Tỉnh Hưng Yên | | | |
| 64 | MDC | Nguyễn Văn Cường | | | NCLQ đến ông Nguyễn Tiến Hùng Bố đẻ | | | | Tổ 6- Khu Bình Sơn - Phường Cửa Ông Quảng Ninh | | | |
| 65 | MDC | Phạm Thị Miên | | | NCLQ đến ông Nguyễn Tiến Hùng Mẹ đẻ | | | | Tổ 6- Khu Bình Sơn - Phường Cửa Ông Quảng Ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----|-------|------------------------|--|------------------------------|--|---|----------|---------|---|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 66 | MDC | Đồng Thị Hà Giang | | | NCLQ đến ông Nguyễn Tiến Hùng Vợ | | | | Tổ 6- Khu Bình Sơn - Phường Cửa Ông Quảng Ninh | | | |
| 67 | MDC | Nguyễn Đồng Khánh Linh | | | NCLQ đến ông Nguyễn Tiến Hùng Con đẻ | | | | Tổ 4 - Cao sơn 1 -Phường Cửa Ông- Cẩm Phả- Quảng Ninh | | | |
| 68 | MDC | Nguyễn Tiến Dũng | | | NCLQ đến ông Nguyễn Tiến Hùng Anh trai | | | | Tổ 4 - Cao sơn 1 -Phường Cửa Ông- Cẩm Phả- Quảng Ninh | | | |
| 69 | MDC | Tạ Thị Thu Hiền | | | NCLQ đến ông Nguyễn Tiến Hùng Chị dâu | | | | Tổ 4 - Cao sơn 1 -Phường Cửa Ông- Cẩm Phả- Quảng Ninh | | | |
| 70 | MDC | Đồng Duy Phả | | | NCLQ đến ông Nguyễn Tiến Hùng Bố vợ | | | | Tổ 5 - Khu Trung Sơn 1 - Phường Cửa Ông- Quảng Ninh | | | |
| 71 | MDC | Khoa Thị Trâm | | | NCLQ đến ông Nguyễn Tiến Hùng Mẹ vợ | | | | Tổ 5 - Khu Trung Sơn 1 - Phường Cửa Ông- Quảng Ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----|-------|-----------------------|--|------------------------------|---|---|----------|---------|---|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 72 | MDC | Đồng Thị Lan Hương | | | NCLQ đến ông Nguyễn Tiến Hùng Chị vợ | | | | Tổ 8- Khu Diêm Thủy - Phường Cẩm Phả - Quảng Ninh | | | |
| 73 | MDC | Thái Thị Thanh | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – Mẹ đẻ | | | | Tổ 2 khu 1B- Phường Cẩm phả - Tỉnh Quảng ninh | | | |
| 74 | MDC | Dương Hải Yến | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – Vợ | | | | Tổ 3 Khu 3B, Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng ninh | | | |
| 75 | MDC | Nguyễn Phương Mai | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – con ruột | | | | Tổ 3 Khu 3B, Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng ninh | | | |
| 76 | MDC | Nguyễn Hữu Tuấn Hưng | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – con ruột | | | | Tổ 3 Khu 3B, Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng ninh | | | |
| 77 | MDC | Nguyễn Hữu Minh Quang | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – con ruột | | | | Tổ 3 Khu 3B, Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng ninh | | | |
| 78 | MDC | Nguyễn Thị Huệ | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – em ruột | | | | Số 56 Phan Kế Bình, Phường Ngọc Hà - Hà nội | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----|-------|-------------------|--|------------------------------|--|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 79 | MDC | Nguyễn Hữu Minh | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – em ruột | | | | Tổ 2 khu 1B-Phường Cẩm phả - Tỉnh Quảng ninh | | | |
| 80 | MDC | Hoàng Thị Hồng | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – Mẹ Vợ | | | | Tổ 3 Khu 3B, Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng ninh | | | |
| 81 | MDC | Dương Hải Vân | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – em vợ | | | | Tổ 1 khu 5B-Phường Cẩm Phả Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 82 | MDC | Dương Khánh Hà | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – em vợ | | | | Tổ 3 Khu 3B, Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng ninh | | | |
| 83 | MDC | Vũ Thị Liên | | | NCLQ đến Ông Trần Mạnh Hà – Mẹ đẻ | | | | Số nhà 58 - Tổ 6 Khu Bình Minh - Phường Cẩm Phả - Quảng Ninh | | | |
| 84 | MDC | Lê Thị Yến | | | NCLQ đến Ông Trần Mạnh Hà – Vợ | | | | Số nhà 60 - Tổ 6 Khu Bình Minh - Phường Cẩm Phả - Quảng Ninh | | | |
| 85 | MDC | Trần Trường Giang | | | NCLQ đến Ông Trần Mạnh Hà – Con ruột | | | | Số nhà 60 - Tổ 6 Khu Bình Minh - Phường Cẩm Phả - Quảng Ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----|-------|--------------------|--|------------------------------|--------------------------------------|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 86 | MDC | Trần Hữu Đạt | | | NCLQ đến Ông Trần Mạnh Hà – Con ruột | | | | Số nhà 60 - Tổ 6 Khu Bình Minh - Phường Cẩm Phá - Quảng Ninh | | | |
| 87 | MDC | Trần Thị Mai Thanh | | | NCLQ đến Ông Trần Mạnh Hà – Em ruột | | | | Tổ 49 - Khu 6A - Phường Hà Tu- Quảng Ninh | | | |
| 88 | MDC | Nguyễn Thị Chua | | | NCLQ đến Ông Trần Mạnh Hà – Mẹ vợ | | | | Tổ 7 - Khu I - Phường Mông Dương - Quảng Ninh | | | |
| 89 | MDC | Lê Đông | | | NCLQ đến Ông Trần Mạnh Hà – Anh vợ | | | | Tổ 7 - Khu I - Phường Mông Dương - Quảng Ninh | | | |
| 90 | MDC | Lê Phú Dũng | | | NCLQ đến Ông Trần Mạnh Hà – Em vợ | | | | Tổ 24 - Khu 4 - Phường Cao Xanh - Quảng Ninh | | | |
| 91 | MDC | Ngô Doãn Mùi | | | NCLQ đến Ông Trần Mạnh Hà – Em rể | | | | Tổ 49B - Khu 6A - Phường Hà Tu - Quảng Ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----|-------|------------------|--|------------------------------|---|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 92 | MDC | Phạm Thanh Quỳnh | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Vợ | | | | Số nhà 2, Ngõ 115, ngách 18 – Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh. | | | |
| 93 | MDC | Lại Quang Dương | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Con ruột | | | | Số nhà 2, Ngõ 115, ngách 18 – Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh. | | | |
| 94 | MDC | Lại Anh Thư | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Con ruột | | | | Số nhà 2, Ngõ 115, ngách 18 – Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh. | | | |
| 95 | MDC | Lại Quang Tuấn | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Bố đẻ | | | | Tổ 28 - Cẩm Phả - Quảng Ninh | | | |
| 96 | MDC | Hà Thị Bền | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Mẹ đẻ | | | | Tổ 28 - Cẩm Phả - Quảng Ninh | | | |
| 97 | MDC | Lại Quang Cường | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Anh ruột | | | | phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 98 | MDC | Lại Quang Dũng | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Em ruột | | | | phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|------------------|--|------------------------------|--|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 99 | MDC | Lại Thị Yến | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Em ruột | | | | phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 100 | MDC | Lại Quang Phú | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Em ruột | | | | phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 101 | MDC | Phạm Thanh Trang | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Bố vợ | | | | Tổ 39 khu Đông Tiến 1 phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. | | | |
| 102 | MDC | Phạm Thị Minh | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Mẹ vợ | | | | Tổ 39 khu Đông Tiến 1 phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. | | | |
| 103 | MDC | Phạm Thanh Hải | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Chị vợ | | | | Tổ 4 Khu 5B phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh. | | | |
| 104 | MDC | Lê Thế Anh | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Chồng | | | | Số nhà 908, đường Hoàng Quốc Việt, Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|----------------------|--|------------------------------|---|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 105 | MDC | Lê Bình Minh | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Con | | | | Số nhà 908, đường Hoàng Quốc Việt, Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 106 | MDC | Lê Lâm Phúc | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Con | | | | Số nhà 908, đường Hoàng Quốc Việt, Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 107 | MDC | Nguyễn Văn Sáng | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Bố đẻ | | | | Tổ 1 khu 7 phường Mông Dương - Quảng Ninh | | | |
| 108 | MDC | Nguyễn Thị Thân | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Mẹ đẻ | | | | Tổ 1 khu 7 phường Mông Dương - Quảng Ninh | | | |
| 109 | MDC | Lê Văn Lợi | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Bố chồng | | | | Tổ 7 khu Hai Giếng 2, Quang Hanh, Quảng Ninh | | | |
| 110 | MDC | Nguyễn Thị Thùy | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Mẹ chồng | | | | Tổ 7 khu Hai Giếng 2, Quang Hanh, Quảng Ninh | | | |
| 111 | MDC | Nguyễn Thị Thu Hương | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Chị ruột | | | | Tổ 8, khu 7, Mông Dương, Quảng Ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|---------------------|--|------------------------------|--|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 112 | MDC | Nguyễn Viết Chiến | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Anh rể | | | | Tổ 8, khu 7, Mông Dương, Quảng Ninh | | | |
| 113 | MDC | Nguyễn Thị Hồng | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Em ruột | | | | Tổ 5, khu 1, Mông Dương, Quảng Ninh | | | |
| 114 | MDC | Lê Việt Hải | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Em rể | | | | Tổ 5, khu 1, Mông Dương, Quảng Ninh | | | |
| 115 | MDC | Nguyễn Văn Nuôi | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Em ruột | | | | Tổ 1 khu 7 phường Mông Dương - Quảng Ninh | | | |
| 116 | MDC | Phạm Thị Cẩm Nhung | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Em dâu | | | | Tổ 2 khu 7 phường Mông Dương - Quảng Ninh | | | |
| 117 | MDC | Lê Hoàn | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Anh chồng | | | | Tổ 7 khu Hai Giếng 2, Quang Hanh, Quảng Ninh | | | |
| 118 | MDC | Trần Thị Vĩnh Hường | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Chị dâu | | | | Tổ 5, Tây Sơn 2, Cửa Ông, Quảng Ninh | | | |
| 119 | MDC | Nguyễn Thị Trù | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Thanh Sơn- Mẹ đẻ | | | | Khu I Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|---------------------|--|------------------------------|---|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 120 | MDC | Vũ Thanh Minh | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Thanh Sơn- Vợ | | | | Khu I Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 121 | MDC | Nguyễn Khánh Thi | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Thanh Sơn- Con ruột | | | | Khu I Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 122 | MDC | Nguyễn Phúc Vinh | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Thanh Sơn- Con ruột | | | | Khu I Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 123 | MDC | Nguyễn Thị Thu Thủy | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Thanh Sơn- Chị ruột | | | | Phường Móng Cái 2, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 124 | MDC | Phạm Văn Việt | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Thanh Sơn- Anh rể | | | | Phường Móng Cái 2, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 125 | MDC | Vũ Văn Thuyết | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Thanh Sơn- Bố vợ | | | | Khu I Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 126 | MDC | Nguyễn Thị Nga | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Thanh Sơn- Mẹ vợ | | | | Khu I Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh | | | |

Phụ lục số 03
GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN &
GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS
ĐANG LÀ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS TRONG THỜI GIAN 3 NĂM TRỞ LẠI ĐÂY
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 2736/BC-TMD, ngày 30/7/2025 của HĐQT)

| TT | Tên tổ chức/ cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số giấy NSH; Ngày cấp; Nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua <i>(nếu có nêu rõ ngày ban hành)</i> | Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|----|--|---|---|---|---|---|--|---|
| 1 | Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Các Công ty trực thuộc TKV và một số Công ty CP do TKV nắm cổ phần chi phối. | Cổ đông lớn | Mã số DN: 5700100256; 21/10/2014 Sở KH&ĐT Hà Nội | Số: 3, Dương Đình Nghệ, Quận Cầu Giấy, Hà Nội | Từ năm 2025 đến khi có thay đổi khác | Số 19/NQ- ĐHĐCĐTN ngày 29/4/2025 | Hợp đồng mang tính nguyên tắc không có giá trị cụ thể. Đối với hợp đồng/ giao dịch có giá trị cụ thể, giá trị giao kết phải nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty tại Báo cáo tài chính ở thời điểm gần nhất | TKV Nắm giữ 65% Vốn điều lệ của Công ty |
| 2 | Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu -TKV | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Than Mông Dương – Vinacomin là Chủ tịch HĐQT Công ty | MST: 5702162138; 03/04/2007; Sở KH&ĐT Quảng Ninh. | Phường Cẩm Tây, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh. | Từ năm 2025 đến khi có thay đổi khác | Số 19/NQ- ĐHĐCĐTN ngày 29/4/2025 | Chưa phát sinh giao dịch | |

| TT | Tên tổ chức/ cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số giấy NSH; Ngày cấp; Nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|----|---|---|--|--|---|---|--|---------|
| 3 | Công ty CP Chế tạo máy- Vinacomin | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Than Mông Dương – Vinacomin là Chủ tịch HĐQT Công ty | MST: 5700495999; Sở KH&ĐT Hà Nội | 486 Trần Phú, Phường Cẩm Thủy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam | Từ năm 2025 đến khi có thay đổi khác | Số 19/NQ- ĐHĐCĐTN ngày 29/4/2025 | Chưa phát sinh giao dịch | |
| 4 | Công ty CP Cơ khí Ô tô Uông Bí- Vinacomin | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Than Mông Dương – Vinacomin là Thành viên HĐQT Công ty | MST: 5700623552 Sở KH&ĐT Quảng Ninh | Khu Tân Lập 2, Phường Phương Đông, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam | Từ năm 2025 đến khi có thay đổi khác | Số 19/NQ- ĐHĐCĐTN ngày 29/4/2025 | Chưa phát sinh giao dịch | |
| 5 | Công ty Cổ phần Đồng Tà Phời – Vinacomin | Trưởng ban Kiểm soát TMD và TB Kiểm soát Công ty | Mã số DN: 530025299 Sở KH&ĐT Lào Cai | Phường Bắc Cường, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai | Từ năm 2025 đến khi có thay đổi khác | Số 19/NQ- ĐHĐCĐTN ngày 29/4/2025 | Chưa phát sinh giao dịch | |
| 6 | Công ty Cổ phần cơ khí Mỏ và đóng tàu -TKV | Trưởng ban Kiểm soát TMD và TV Kiểm soát Công ty | Mã số DN: 5700479764; Sở KH&ĐT Quảng Ninh | Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh; | Từ năm 2025 đến khi có thay đổi khác | Số 19/NQ- ĐHĐCĐTN ngày 29/4/2025 | Chưa phát sinh giao dịch | |
| 7 | Công ty Than Dương Huy- TKV | Trưởng ban Kiểm soát TMD và Kiểm | MST: 5700100256-032 | Phường Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh | Từ năm 2025 đến | Số 19/NQ- ĐHĐCĐTN ngày 29/4/2025 | Chưa phát sinh giao dịch | |

| TT | Tên tổ chức/ cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số giấy NSH; Ngày cấp; Nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|----|------------------------------|--|--|--|---|---|--|---------|
| | | soát viên Công ty | | | khi có thay đổi khác | | | |
| 8 | Công ty Than Nam Mẫu- TKV | Trưởng ban Kiểm soát TMD và Kiểm soát viên Công ty | MST: 5700100256-058 | Phường Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh. | Từ năm 2025 đến khi có thay đổi khác | Số 19/NQ- ĐHĐCĐTN ngày 29/4/2025 | Chưa phát sinh giao dịch | |

Phụ lục số 04
DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 2736/BC-TMD, ngày 30/07/2025 của HĐQT)

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|--------------------|--|------------------------------|---|---|----------|---------|---|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| 1 | MDC | Nguyễn Trọng Tốt | | Chủ tịch HĐQT | | | | | Tổ 57, Khu 4, P.Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 1.1 | MDC | Bùi Thị Hoa | | | Vợ của Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT | | | | Tổ 57, Khu 4, P.Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 1.2 | MDC | Nguyễn Mai Quỳnh | | | Con đẻ của Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT | | | | Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 1.3 | MDC | Nguyễn Đình Tín | | | Con rể của Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT | | | | Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 1.4 | MDC | Nguyễn Quỳnh Trang | | | Con đẻ của Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT | | | | Phường Cầu giấy- TP Hà Nội | | | |
| 1.5 | MDC | Nguyễn Thị Chiện | | | Chị ruột của Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT | | | | Xã Tây Thái Ninh, Tỉnh Thái Bình | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|-------------------|--|----------------------------------|---|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 1.6 | MDC | Nguyễn Công Thuân | | | Anh rể của Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT | | | | Xã Tây Thái Ninh, Tỉnh Thái Bình | | | |
| 1.7 | MDC | Nguyễn Thị Huyền | | | Chị ruột của Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT | | | | Xã Tây Thái Ninh, Tỉnh Thái Bình | | | |
| 1.8 | MDC | Đình Văn Miên | | | Anh rể của Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT | | | | Xã Tây Thái Ninh, Tỉnh Thái Bình | | | |
| 1.9 | MDC | Đình Thị Nguyên | | | Mẹ vợ của Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT | | | | Xã Tây Thái Ninh, Tỉnh Thái Bình | | | |
| 2 | MDC | Hoàng Trọng Hiệp | | Thành viên HĐQT Giám đốc Công ty | Người nội bộ | | | | Số nhà 20 khu Diêm Thủy, Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 2.1 | MDC | Hoàng Trọng Hải | | | NCLQ đến Ông Hoàng Trọng Hiệp - Bố đẻ | | | | Khu Nam Tiến, Phường Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 2.2 | MDC | Nguyễn Thị Huyền | | | NCLQ đến Ông Hoàng Trọng Hiệp - Mẹ đẻ | | | | Khu Nam Tiến, Phường Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|-------------------|--|------------------------------|--|---|----------|---------|---|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 2.3 | MDC | Nguyễn Thị Huyền | | | NCLQ đến Ông Hoàng Trọng Hiệp - Vợ | | | | Số nhà 20 khu Diêm Thủy, Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 2.4 | MDC | Hoàng Trọng Khoa | | | NCLQ đến Ông Hoàng Trọng Hiệp - Con ruột | | | | Số nhà 20 khu Diêm Thủy, Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 2.5 | MDC | Hoàng Kiều Ly | | | NCLQ đến Ông Hoàng Trọng Hiệp - con ruột | | | | Số nhà 20 khu Diêm Thủy, Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 2.6 | MDC | Hoàng Trọng Hưng | | | NCLQ đến Ông Hoàng Trọng Hiệp - em ruột | | | | Khu Nam Tiến, Phường Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 2.7 | MDC | Phạm Thị Duyên | | | NCLQ đến Ông Hoàng Trọng Hiệp - em dâu | | | | Khu Nam Tiến, Phường Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 2.8 | MDC | Vũ Thị Thắm | | | NCLQ đến Ông Hoàng Trọng Hiệp - Mẹ Vợ | | | | Tổ 30 Phường Đại Kim –Quận Hoàng Mai- TP Hà Nội | | | |
| 2.9 | MDC | Nguyễn Ngọc Thanh | | | NCLQ đến Ông Hoàng Trọng Hiệp - Anh vợ | | | | Tổ 30 Phường Đại Kim –Quận Hoàng Mai- TP Hà Nội | | | |
| 3 | MDC | Ngô Xuân Thủy | | Thành viên HĐQT Phó | Người nội bộ | | | | Tổ 1, khu 6A, Cẩm phả, QN | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|-------------------|--|------------------------------|---------------------------------------|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| | | | | giám đốc | | | | | | | | |
| 3.1 | MDC | Đinh Thị Hồng | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – Vợ | | | | Tổ 1, khu 6A, Cẩm phả, QN | | | |
| 3.2 | MDC | Ngô Khánh Huyền | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – Con ruột | | | | Tổ 1, khu 6A, Cẩm phả, QN | | | |
| 3.3 | MDC | Ngô Khánh Chi | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – Con ruột | | | | Tổ 1, khu 6A, Cẩm phả, QN | | | |
| 3.4 | MDC | Ngô Xuân Hường | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – Bố đẻ | | | | Xóm 6, Hoa Lư Tây , Ninh Bình | | | |
| 3.5 | MDC | Phạm Thị Hạnh | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – Mẹ đẻ | | | | Xóm 6, Hoa Lư Tây , Ninh Bình | | | |
| 3.6 | MDC | Cù Thị Hiệu | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – Mẹ vợ | | | | Tổ 1, khu 6A, Cẩm Phả, QN | | | |
| 3.7 | MDC | Ngô Thị Kim Chung | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – em ruột | | | | Tổ 5, Khu Long thạch, Quang Hanh, Quảng ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|--------------------|--|------------------------------|--------------------------------------|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 3.8 | MDC | Bùi Văn Hường | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – em rể | | | | Tổ 5, Khu Long thạch, Quang Hanh, Quảng ninh | | | |
| 3.9 | MDC | Ngô Xuân Tinh | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – em ruột | | | | Tổ 3, khu Minh Hòa, Cẩm Phả, Quảng ninh | | | |
| 3.10 | MDC | Nguyễn Thị Diệu Ly | | | NCLQ đến Ông Ngô Xuân Thủy – em dâu | | | | Tổ 3, khu Minh Hòa, Cẩm Phả, Quảng ninh | | | |
| 4 | MDC | Vadym D'omin | | Thành viên HĐQT | | | | | Số 61, Tô Ngọc Vân, Phường Tây Hồ, Hà Nội | | | |
| 5 | MDC | Phạm Văn Tác | | Thành viên HĐQT | Người nội bộ | | | | Tổ 7 khu 2A P. Hà Lâm, Quảng Ninh | | | |
| 5.1 | MDC | Nguyễn Thị Tơ | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Mẹ đẻ | | | | Thôn Hưng Quan, xã Nam Tiên Hưng-Hưng Yên | | | |
| 5.2 | MDC | Lương Thị Yến | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Vợ | | | | Tổ 7 Khu 2A, P Phường Hà Lâm. Quảng Ninh | | | |
| 5.3 | MDC | Phạm Huyền Trang | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Con ruột | | | | Số 26, A 26, Phường Nghĩa Đô - Hà Nội | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|--------------------|--|------------------------------|------------------------------------|---|----------|---------|---|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 5.4 | MDC | Phạm Nhất Tâm Long | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Con ruột | | | | Tổ 7 Khu 2A, P Phường Hà Lâm. Quảng Ninh | | | |
| 5.5 | MDC | Nguyễn Mạnh Cường | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Con rể | | | | Số 26, A 26, Phường Nghĩa Đô - Hà Nội | | | |
| 5.6 | MDC | Phạm Thị Lan | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Em ruột | | | | Thôn Hưng quan, xã Nam Tiên Hưng-Hưng Yên | | | |
| 5.7 | MDC | Phạm Văn Hữu | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Em ruột | | | | Thôn Hưng Quan, xã Nam Tiên Hưng-Hưng Yên | | | |
| 5.8 | MDC | Phạm Thị Nhiều | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Em ruột | | | | Thôn Hải Hòa, Phường Móng Cái 1- Quảng Ninh | | | |
| 5.9 | MDC | Phạm Thị Mão | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Em ruột | | | | Thôn Hưng Quan, xã Nam Tiên Hưng-Hưng Yên | | | |
| 5.10 | MDC | Đào Thị Diệp | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Em dâu | | | | Thôn Hưng Quan, xã Nam Tiên Hưng-Hưng Yên | | | |
| 5.11 | MDC | Nguyễn Công Thạo | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Em rể | | | | Thôn Hưng Quan, xã Nam Tiên Hưng-Hưng Yên | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|---------------------|--|------------------------------|---------------------------------------|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 5.12 | MDC | Đặng Văn Hùng | | | NCLQ đến Ông Phạm Văn Tác Em rể | | | | Thôn Hưng Quan, xã Nam Tiên Hưng-Hưng Yên | | | |
| 6 | MDC | Nguyễn Thị Tâm | | Trưởng ban kiểm soát | Người nội bộ | | | | Số nhà 11, tổ 12, khu 2b, Phường Hạ Long, TP Hạ Long | | | |
| 6.1 | MDC | Trần Quốc Chiến | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Chồng | | | | Số nhà 11, tổ 12, khu 2b, Phường Hạ Long, TP Hạ Long | | | |
| 6.2 | MDC | Trần Quốc Cường | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Con ruột | | | | Số 4, ngõ 24, Nguyễn Công Hoan, Giảng Võ, Hà Nội | | | |
| 6.3 | MDC | Trần Hạnh Huyền | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Con ruột | | | | Số nhà 11, tổ 12, khu 2b, Phường Hạ Long, TP Hạ Long | | | |
| 6.4 | MDC | Nguyễn Quang Long | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Bố đẻ | | | | Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 6.5 | MDC | Hoàng Thị Máng | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Mẹ đẻ | | | | Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 6.6 | MDC | Nguyễn Quang Khương | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Anh ruột | | | | Phường Đồ Sơn, Hải Phòng | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|-------------------|--|--|---------------------------------------|---|----------|---------|---|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 6.7 | MDC | Nguyễn Quang Hùng | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Anh ruột | | | | Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 6.8 | MDC | Nguyễn Quang Mai | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Anh ruột | | | | Sở tư pháp Hải phòng | | | |
| 6.9 | MDC | Nguyễn Quang Vinh | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Anh ruột | | | | Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 6.10 | MDC | Nguyễn Thị Thanh | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Chị ruột | | | | Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 6.11 | MDC | Nguyễn Thu Trang | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Thị Tâm – Con dâu | | | | Số nhà 171a, Đặng Văn Ngữ, Phường Văn miếu-Quốc tử Giám, Hà Nội | | | |
| 7 | MDC | Nguyễn Thế Hanh | 061C667650 | Thành viên Ban kiểm soát - Phó phòng vật tư | Người nội bộ | | | | Tổ 5, Khu Phan Đình Phùng, Phường Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 7.1 | MDC | Nguyễn Văn Nhai | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh –Bố đẻ | | | | Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|-------------------|--|------------------------------|---|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 7.2 | MDC | Bùi Thị Bồng | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Mẹ đẻ | | | | Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng | | | |
| 7.3 | MDC | Phạm Thị Hiền | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Vợ | | | | Tổ 5, Khu Phan Đình Phùng, Phường Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 7.4 | MDC | Nguyễn Văn Anh | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Con ruột | | | | Tổ 5, Khu Phan Đình Phùng, Phường Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 7.5 | MDC | Nguyễn Thanh Tùng | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Con ruột | | | | Tổ 5, Khu Phan Đình Phùng, Phường Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 7.6 | MDC | Nguyễn Thị Thúy | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Chị ruột | | | | Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng | | | |
| 7.7 | MDC | Nguyễn Văn Hôn | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Anh ruột | | | | Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|-------------------|--|---|--|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 7.8 | MDC | Nguyễn Thị Thùy | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Em ruột | | | | Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng | | | |
| 7.9 | MDC | Nguyễn Thị Thư | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Chị dâu | | | | Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng | | | |
| 7.10 | MDC | Nguyễn Xuân Trịnh | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Anh rể | | | | Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng | | | |
| 7.11 | MDC | Đào Duy Khương | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – em rể | | | | Xã Ninh Giang, TP Hải Phòng | | | |
| 7.12 | MDC | Nguyễn Thị Tuyết | | | NCLQ đến ông Nguyễn Thế Hanh – Mẹ vợ | | | | Xã Lê Lợi, Tỉnh Hưng Yên | | | |
| 8 | MDC | Nguyễn Tiến Hùng | | Thành viên Ban kiểm soát - Nhân viên phòng kế hoạch | Người nội bộ | | | | Tổ 6- Khu Bình Sơn - Phường Cửa Ông Quảng Ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|------------------------|--|------------------------------|--|---|----------|---------|---|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 8.1 | MDC | Nguyễn Văn Cường | | | NCLQ đến ông Nguyễn Tiến Hùng Bố đẻ | | | | Tổ 6- Khu Bình Sơn - Phường Cửa Ông Quảng Ninh | | | |
| 8.2 | MDC | Phạm Thị Miến | | | NCLQ đến ông Nguyễn Tiến Hùng Mẹ đẻ | | | | Tổ 6- Khu Bình Sơn - Phường Cửa Ông Quảng Ninh | | | |
| 8.3 | MDC | Đồng Thị Hà Giang | | | NCLQ đến ông Nguyễn Tiến Hùng Vợ | | | | Tổ 6- Khu Bình Sơn - Phường Cửa Ông Quảng Ninh | | | |
| 8.4 | MDC | Nguyễn Đồng Khánh Linh | | | NCLQ đến ông Nguyễn Tiến Hùng Con đẻ | | | | Tổ 4 - Cao sơn 1 -Phường Cửa Ông- Cẩm Phả- Quảng Ninh | | | |
| 8.5 | MDC | Nguyễn Tiến Dũng | | | NCLQ đến ông Nguyễn Tiến Hùng Anh trai | | | | Tổ 4 - Cao sơn 1 -Phường Cửa Ông- Cẩm Phả- Quảng Ninh | | | |
| 8.6 | MDC | Tạ Thị Thu Hiền | | | NCLQ đến ông Nguyễn Tiến Hùng Chị dâu | | | | Tổ 4 - Cao sơn 1 -Phường Cửa Ông- Cẩm Phả- Quảng Ninh | | | |
| 8.7 | MDC | Đồng Duy Phả | | | NCLQ đến ông Nguyễn Tiến Hùng Bố vợ | | | | Tổ 5 - Khu Trung Sơn 1 - Phường Cửa | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|--------------------|--|------------------------------|---|---|----------|---------|---|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| | | | | | | | | | Ông- Quảng Ninh | | | |
| 8.8 | MDC | Khoa Thị Trâm | | | NCLQ đến ông Nguyễn Tiến Hùng Mẹ vợ | | | | Tổ 5 - Khu Trung Sơn 1 - Phường Cửa Ông- Quảng Ninh | | | |
| 8.9 | MDC | Đồng Thị Lan Hương | | | NCLQ đến ông Nguyễn Tiến Hùng Chị vợ | | | | Tổ 8- Khu Diêm Thủy - Phường Cẩm Phả - Quảng Ninh | | | |
| 9 | MDC | Nguyễn Hữu Hùng | 061C667223 | Phó Giám đốc | Người nội bộ | | | | Tổ 3 Khu 3B, Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng ninh | | | |
| 9.1 | MDC | Thái Thị Thanh | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – Mẹ đẻ | | | | Tổ 2 khu 1B- Phường Cẩm phả - Tỉnh Quảng ninh | | | |
| 9.2 | MDC | Dương Hải Yến | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – Vợ | | | | Tổ 3 Khu 3B, Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng ninh | | | |
| 9.3 | MDC | Nguyễn Phương Mai | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – con ruột | | | | Tổ 3 Khu 3B, Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|-----------------------|--|------------------------------|---|---|----------|---------|---|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 9.4 | MDC | Nguyễn Hữu Tuấn Hưng | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – con ruột | | | | Tổ 3 Khu 3B, Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng ninh | | | |
| 9.5 | MDC | Nguyễn Hữu Minh Quang | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – con ruột | | | | Tổ 3 Khu 3B, Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng ninh | | | |
| 9.6 | MDC | Nguyễn Thị Huệ | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – em ruột | | | | Số 56 Phan Kế Bình, Phường Ngọc Hà - Hà nội | | | |
| 9.7 | MDC | Nguyễn Hữu Minh | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – em ruột | | | | Tổ 2 khu 1B- Phường Cẩm phả - Tỉnh Quảng ninh | | | |
| 9.8 | MDC | Hoàng Thị Hồng | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – Mẹ Vợ | | | | Tổ 3 Khu 3B, Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng ninh | | | |
| 9.9 | MDC | Dương Hải Vân | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – em vợ | | | | Tổ 1 khu 5B- Phường Cẩm Phả Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 9.10 | MDC | Dương Khánh Hà | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Hữu Hùng – em vợ | | | | Tổ 3 Khu 3B, Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|--------------------|--|------------------------------|--------------------------------------|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 10 | MDC | Trần Mạnh Hà | | Phó giám đốc | Người nội bộ | | | | Số nhà 60 - Tổ 6 Khu Bình Minh - Phường Cẩm Phả - Quảng Ninh | | | |
| 10.1 | MDC | Vũ Thị Liên | | | NCLQ đến Ông Trần Mạnh Hà – Mẹ đẻ | | | | Số nhà 58 - Tổ 6 Khu Bình Minh - Phường Cẩm Phả - Quảng Ninh | | | |
| 10.2 | MDC | Lê Thị Yến | | | NCLQ đến Ông Trần Mạnh Hà – Vợ | | | | Số nhà 60 - Tổ 6 Khu Bình Minh - Phường Cẩm Phả - Quảng Ninh | | | |
| 10.3 | MDC | Trần Trường Giang | | | NCLQ đến Ông Trần Mạnh Hà – Con ruột | | | | Số nhà 60 - Tổ 6 Khu Bình Minh - Phường Cẩm Phả - Quảng Ninh | | | |
| 10.4 | MDC | Trần Hữu Đạt | | | NCLQ đến Ông Trần Mạnh Hà – Con ruột | | | | Số nhà 60 - Tổ 6 Khu Bình Minh - Phường Cẩm Phả - Quảng Ninh | | | |
| 10.5 | MDC | Trần Thị Mai Thanh | | | NCLQ đến Ông Trần Mạnh Hà – Em ruột | | | | Tổ 49 - Khu 6A - Phường Hà Tu- Quảng Ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|------------------|--|------------------------------|------------------------------------|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 10.6 | MDC | Nguyễn Thị Chua | | | NCLQ đến Ông Trần Mạnh Hà – Mẹ vợ | | | | Tổ 7 - Khu I - Phường Mông Dương - Quảng Ninh | | | |
| 10.7 | MDC | Lê Đông | | | NCLQ đến Ông Trần Mạnh Hà – Anh vợ | | | | Tổ 7 - Khu I - Phường Mông Dương - Quảng Ninh | | | |
| 10.8 | MDC | Lê Phú Dũng | | | NCLQ đến Ông Trần Mạnh Hà – Em vợ | | | | Tổ 24 - Khu 4 - Phường Cao Xanh - Quảng Ninh | | | |
| 10.9 | MDC | Ngô Doãn Mùi | | | NCLQ đến Ông Trần Mạnh Hà – Em rể | | | | Tổ 49B - Khu 6A - Phường Hà Tu - Quảng Ninh | | | |
| 11 | MDC | Lại Quang Trung | | Phó giám đốc | Người nội bộ | | | | Số nhà 2, Ngõ 115, ngách 18 – Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh. | | | |
| 11.1 | MDC | Phạm Thanh Quỳnh | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Vợ | | | | Số nhà 2, Ngõ 115, ngách 18 – Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh. | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|-----------------|--|------------------------------|---|---|----------|---------|---|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 11.2 | MDC | Lại Quang Dương | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Con ruột | | | | Số nhà 2, Ngõ 115, ngách 18 – Cẩm Phả -Tỉnh Quảng Ninh. | | | |
| 11.3 | MDC | Lại Anh Thư | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Con ruột | | | | Số nhà 2, Ngõ 115, ngách 18 – Cẩm Phả -Tỉnh Quảng Ninh. | | | |
| 11.4 | MDC | Lại Quang Tuấn | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Bố đẻ | | | | Tổ 28 - Cẩm Phả - Quảng Ninh | | | |
| 11.5 | MDC | Hà Thị Bền | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Mẹ đẻ | | | | Tổ 28 - Cẩm Phả - Quảng Ninh | | | |
| 11.6 | MDC | Lại Quang Cường | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Anh ruột | | | | phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 11.7 | MDC | Lại Quang Dũng | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Em ruột | | | | phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 11.8 | MDC | Lại Thị Yến | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Em ruột | | | | phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-------|-------|------------------|--|------------------------------|--|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 11.9 | MDC | Lại Quang Phú | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Em ruột | | | | phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 11.10 | MDC | Phạm Thanh Trang | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Bố vợ | | | | Tổ 39 khu Đông Tiến 1 phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. | | | |
| 11.11 | MDC | Phạm Thị Minh | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Mẹ vợ | | | | Tổ 39 khu Đông Tiến 1 phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. | | | |
| 11.12 | MDC | Phạm Thanh Hải | | | NCLQ đến Ông Lại Quang Trung – Chị vợ | | | | Tổ 4 Khu 5B phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh. | | | |
| 12 | MDC | Nguyễn Tuyết Mai | | Kế toán trưởng | Người nội bộ | | | | Số nhà 908, đường Hoàng Quốc Việt, Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 12.1 | MDC | Lê Thế Anh | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Chồng | | | | Số nhà 908, đường Hoàng Quốc Việt, Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|----------------------|--|------------------------------|---|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 12.2 | MDC | Lê Bình Minh | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Con | | | | Số nhà 908, đường Hoàng Quốc Việt, Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 12.3 | MDC | Lê Lâm Phúc | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Con | | | | Số nhà 908, đường Hoàng Quốc Việt, Cẩm Phả, Quảng Ninh | | | |
| 12.4 | MDC | Nguyễn Văn Sáng | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Bố đẻ | | | | Tổ 1 khu 7 phường Mông Dương - Quảng Ninh | | | |
| 12.5 | MDC | Nguyễn Thị Thân | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Mẹ đẻ | | | | Tổ 1 khu 7 phường Mông Dương - Quảng Ninh | | | |
| 12.6 | MDC | Lê Văn Lợi | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Bố chồng | | | | Tổ 7 khu Hai Giếng 2, Quang Hanh, Quảng Ninh | | | |
| 12.7 | MDC | Nguyễn Thị Thùy | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Mẹ chồng | | | | Tổ 7 khu Hai Giếng 2, Quang Hanh, Quảng Ninh | | | |
| 12.8 | MDC | Nguyễn Thị Thu Hương | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Chị ruột | | | | Tổ 8, khu 7, Mông Dương, Quảng Ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-------|-------|---------------------|--|------------------------------|--|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 12.9 | MDC | Nguyễn Viết Chiến | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Anh rể | | | | Tổ 8, khu 7, Mông Dương, Quảng Ninh | | | |
| 12.10 | MDC | Nguyễn Thị Hồng | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Em ruột | | | | Tổ 5, khu 1, Mông Dương, Quảng Ninh | | | |
| 12.11 | MDC | Lê Việt Hải | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Em rể | | | | Tổ 5, khu 1, Mông Dương, Quảng Ninh | | | |
| 12.12 | MDC | Nguyễn Văn Nuôi | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Em ruột | | | | Tổ 1 khu 7 phường Mông Dương - Quảng Ninh | | | |
| 12.13 | MDC | Phạm Thị Cẩm Nhung | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Em dâu | | | | Tổ 2 khu 7 phường Mông Dương - Quảng Ninh | | | |
| 12.14 | MDC | Lê Hoàn | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Anh chồng | | | | Tổ 7 khu Hai Giếng 2, Quang Hanh, Quảng Ninh | | | |
| 12.15 | MDC | Trần Thị Vĩnh Hường | | | NCLQ đến Bà Nguyễn Tuyết Mai - Chị dâu | | | | Tổ 5, Tây Sơn 2, Cửa Ông, Quảng Ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|------------------|--|---|---|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 13 | MDC | Nguyễn Thanh Sơn | | Thư ký công ty- Người phụ trách quản trị công ty - Người được ủy quyền công bố thông tin | Người nội bộ | | | | Khu I Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 14.1 | MDC | Nguyễn Thị Trù | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Thanh Sơn- Mẹ đẻ | | | | Khu I Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 13.2 | MDC | Vũ Thanh Minh | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Thanh Sơn- Vợ | | | | Khu I Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 13.3 | MDC | Nguyễn Khánh Thi | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Thanh Sơn- Con ruột | | | | Khu I Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 13.4 | MDC | Nguyễn Phúc Vinh | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Thanh Sơn- Con ruột | | | | Khu I Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh | | | |

| TT | Mã CK | Họ tên (*) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Giấy NSH (*) (CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) | | | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|---------------------|--|------------------------------|---|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 13.5 | MDC | Nguyễn Thị Thu Thủy | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Thanh Sơn- Chị ruột | | | | Phường Móng Cái 2, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 13.6 | MDC | Phạm Văn Việt | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Thanh Sơn- Anh rể | | | | Phường Móng Cái 2, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 13.7 | MDC | Vũ Văn Thuyết | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Thanh Sơn- Bố vợ | | | | Khu I Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh | | | |
| 13.8 | MDC | Nguyễn Thị Nga | | | NCLQ đến Ông Nguyễn Thanh Sơn- Mẹ vợ | | | | Khu I Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh | | | |